

QUYẾT ĐỊNH số 24/2000/QĐ-BGDĐT
ngày 11/7/2000 về việc ban hành
Điều lệ Trường trung học chuyên
nghịệp.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30/3/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Trường trung học chuyên nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 781/GDDT ngày 03/3/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế trường trung học chuyên nghiệp công lập.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trường; Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường trung học chuyên nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

NGUYỄN MINH HIỂN

ĐIỀU LỆ Trường trung học chuyên
nghịệp

(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2000/QĐ-BGDĐT ngày 11/7/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

1. Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của trường trung học chuyên nghiệp trong hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Trường trung học chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân tuân theo các quy định có liên quan của Điều lệ này khi tiến hành đào tạo để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 2. Vị trí của trường trung học chuyên nghiệp.

1. Trường trung học chuyên nghiệp là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc bậc trung học có quan hệ đào tạo liên thông với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, dạy nghề, cao đẳng, đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Trường trung học chuyên nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 3. Mục tiêu đào tạo của trường trung học chuyên nghiệp.

Mục tiêu đào tạo của trường trung học chuyên nghiệp là đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ trung cấp và các trình độ thấp hơn, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học chuyên nghiệp.

Trường trung học chuyên nghiệp có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình đào tạo các ngành, nghề được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép;

2. Xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

3. Tổ chức biên soạn và duyệt giáo trình của những ngành, nghề được phép đào tạo trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định do hiệu trưởng thành lập;

4. Thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ, tham gia giải quyết những vấn đề về kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước;

5. Thực hiện các dịch vụ khoa học, công nghệ, sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề đào tạo và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

6. Quản lý giáo viên, cán bộ và nhân viên;

7. Tuyển sinh và quản lý học sinh;

8. Phối hợp với gia đình học sinh, các tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục, đào tạo;

9. Tổ chức cho giáo viên, cán bộ, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội;

10. Quản lý, sử dụng đất đai, trường sở, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật;

11. Liên kết với các tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội, các cơ sở đào tạo nhằm phát triển công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho trường;

12. Sử dụng nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp, từ hoạt động kinh tế để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của trường, mở rộng sản xuất, kinh

doanh theo ngành, nghề và chi cho các hoạt động giáo dục, đào tạo theo quy định của pháp luật;

13. Hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học với nước ngoài theo quy định của Chính phủ;

14. Được Nhà nước giao đất, được thuê đất, được miễn giảm thuế và vay tín dụng theo quy định của pháp luật;

15. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hệ thống trường trung học chuyên nghiệp.

1. Trường trung học chuyên nghiệp bao gồm:

a) Trường trung học chuyên nghiệp Trung ương do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ) ra quyết định thành lập.

b) Trường trung học chuyên nghiệp địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là các tỉnh) ra quyết định thành lập.

2. Trường trung học chuyên nghiệp Trung ương được tổ chức theo các loại hình công lập, bán công. Trường trung học chuyên nghiệp địa phương được tổ chức theo các loại hình công lập, bán công, dân lập, tư thực.

Trường trung học chuyên nghiệp bán công, dân lập, tư thực sau đây gọi chung là trường trung học chuyên nghiệp ngoài công lập. Trường trung học chuyên nghiệp ngoài công lập tuân theo Điều lệ này và Quy chế về tổ chức và hoạt động của các trường ngoài công lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 6. Tên trường trung học chuyên nghiệp.

1. Việc đặt tên trường trung học chuyên nghiệp quy định như sau:

a) Với trường trung học chuyên nghiệp công lập:

- Trường trung học chuyên nghiệp Trung ương:

www.PhuVinhPhapLuat.com
06661099
Tel: +84-8-38456889

“Trường trung học + ngành đào tạo chính + trung ương + tên riêng (nếu có) ”.

- Trường trung học chuyên nghiệp địa phương:
“Trường trung học + ngành đào tạo chính + tên riêng ”.

b) Với trường trung học chuyên nghiệp bán công:

- Trường trung học chuyên nghiệp Trung ương:
“Trường trung học bán công + ngành đào tạo chính + trung ương + tên riêng (nếu có) ”.

- Trường trung học chuyên nghiệp địa phương:
“Trường trung học bán công + ngành đào tạo chính + tên riêng ”.

c) Với trường trung học chuyên nghiệp dân lập: “Trường trung học dân lập + ngành đào tạo chính + tên riêng”.

d) Với trường trung học chuyên nghiệp tư thục: “Trường trung học tư thục + ngành đào tạo chính + tên riêng”.

2. Tên trường được ghi trong quyết định thành lập trường, con dấu, biển trường và các giấy tờ giao dịch.

Điều 7. Phân cấp quản lý.

1. Trường trung học chuyên nghiệp Trung ương chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ ra quyết định thành lập trường, sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự quản lý theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đóng.

2. Trường trung học chuyên nghiệp địa phương chịu sự quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập trường, sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của các Bộ chuyên ngành theo ngành, nghề đào tạo.

Điều 8. Nội quy trường trung học chuyên nghiệp.

Căn cứ vào Điều lệ này và quy chế riêng của mỗi loại hình trường (đối với trường ngoài công lập), trường trung học chuyên nghiệp xây dựng nội quy của trường mình.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mục I. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Điều 9. Bộ máy tổ chức.

Bộ máy tổ chức trường trung học chuyên nghiệp gồm:

1. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng.
2. Các phòng chức năng.
3. Các khoa, tổ bộ môn.
4. Các lớp học sinh.
5. Các hội đồng tư vấn.
6. Các cơ sở phục vụ đào tạo.

Điều 10. Hiệu trưởng trường trung học chuyên nghiệp.

1. Hiệu trưởng trường trung học chuyên nghiệp là người chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động của nhà trường do thủ trưởng cơ quan cấp Bộ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm đối với trường công lập, bán công; công nhận đối với trường dân lập, tư thục.

2. Hiệu trưởng trường trung học chuyên nghiệp phải là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có tín nhiệm; có trình độ đại học một ngành chuyên môn phù hợp nhiệm vụ đào tạo của trường; đã qua giảng dạy hay quản lý ở trường trung học chuyên nghiệp ít nhất 5 năm, hoặc là cán bộ, công chức ngành giáo dục đào tạo ít nhất 10 năm, có năng lực quản lý, có sức khỏe.

3. Nhiệm kỳ của hiệu trưởng trường trung học chuyên nghiệp là 5 năm. Thời gian đảm nhiệm chức vụ hiệu trưởng không quá hai nhiệm kỳ liên tục.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng.

Hiệu trưởng trường trung học chuyên nghiệp có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, phát triển nhà trường; quyết định kế hoạch, các chủ trương, chương trình công tác của trường và tổ chức chỉ đạo thực hiện;

2. Quản lý các công tác chuyên môn về đào tạo, tổ chức chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục, kế hoạch giảng dạy, chương trình và giáo trình môn học của trường và các hoạt động giảng dạy, học tập trong trường theo sự chỉ đạo của Bộ chuyên ngành và Bộ Giáo dục và Đào tạo;

3. Tổ chức và chỉ đạo công tác thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, dịch vụ khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế về khoa học và đào tạo, liên kết với các cơ sở nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh thực hiện đào tạo kết hợp với lao động sản xuất, đào tạo theo địa chỉ sử dụng và gắn với việc làm;

4. Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên. Thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, học sinh, cán bộ, nhân viên của trường; sắp xếp tổ chức và cán bộ của trường, thực hiện những công việc thuộc thẩm quyền trong tuyển dụng và sử dụng giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật;

5. Quản lý học sinh; quyết định các công việc về tuyển sinh, thi, công nhận tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp và quản lý các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức;

6. Quản lý hành chính, văn thư, lưu trữ. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của cơ quan quản lý cấp trên có thẩm quyền;

7. Quản lý trường sở, tài chính, tài sản, thiết bị của trường; quyết định sử dụng các nguồn vốn vào công tác đào tạo, xây dựng và phát triển trường;

8. Tổ chức và chỉ đạo phong trào thi đua, lao động công ích, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, thực hiện quy chế dân chủ, chấp hành pháp luật, bảo vệ an ninh trật tự trong trường;

9. Tổ chức công tác kiểm tra, thanh tra trong trường; quyết định việc khen thưởng và xử lý kỷ luật đối với giáo viên, cán bộ, nhân viên và học sinh của trường theo quy định của Nhà nước.

Điều 12. Phó hiệu trưởng trường trung học chuyên nghiệp.

1. Mỗi trường trung học chuyên nghiệp có từ một hoặc hai phó hiệu trưởng. Phó hiệu trưởng do hiệu trưởng đề nghị, thủ trưởng cơ quan cấp Bộ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định bổ nhiệm đối với trường công lập, bán công hoặc công nhận đối với trường dân lập, tư thục.

2. Phó hiệu trưởng phải là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có trình độ đại học một ngành chuyên môn phù hợp nhiệm vụ đào tạo của trường, đã qua giảng dạy ít nhất 3 năm hoặc đã là cán bộ, công chức ngành giáo dục ít nhất 6 năm; có năng lực quản lý, có sức khỏe.

3. Nhiệm kỳ của phó hiệu trưởng trường trung học chuyên nghiệp là 5 năm.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của phó hiệu trưởng.

Phó hiệu trưởng trường trung học chuyên nghiệp có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Giúp hiệu trưởng trong công tác quản lý trường, thực hiện và chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về các nhiệm vụ được phân công và kết quả thực hiện;

2. Thay mặt hiệu trưởng điều hành các hoạt động của trường khi được hiệu trưởng ủy quyền.

Điều 14. Các phòng chức năng.

1. Trường trung học chuyên nghiệp có quy mô trung bình từ 600 đến 800 học sinh có các phòng chức năng sau đây:

- Phòng Đào tạo,
- Phòng Hành chính - Tổ chức,
- Phòng Tài chính - Kế toán,
- Phòng Quản trị - Đời sống,
- Phòng Công tác học sinh.

Số phòng chức năng có thể giảm hoặc tăng tùy theo tính chất ngành, nghề và quy mô nhỏ hoặc lớn hoặc trung bình của trường.

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các phòng chức năng sau khi được cấp ra quyết định thành lập trường chấp thuận.

2. Các phòng chức năng chịu sự chỉ đạo của hiệu trưởng, giúp hiệu trưởng điều hành từng mặt hoạt động của trường.

3. Trưởng phòng và phó trưởng phòng chức năng do hiệu trưởng bổ nhiệm.

Điều 15. Nhiệm vụ của Phòng Đào tạo.

Phòng Đào tạo có những nhiệm vụ sau đây:

1. Giúp hiệu trưởng trong việc xác định mục tiêu giáo dục, xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo; xây dựng chương trình giáo dục, kế hoạch giảng dạy, chương trình và giáo trình môn học; tổ chức tuyển sinh, thi tốt nghiệp, công nhận và cấp bằng tốt nghiệp; tổ chức thực nghiệm, nghiên cứu khoa học và công nghệ, đào tạo kết hợp với lao động sản xuất, dịch vụ;

2. Tổ chức thực hiện quá trình đào tạo;

3. Thực hiện các công việc giáo vụ: lập các biểu bảng về công tác giáo vụ, dạy và học, thực hành thực tập; đề xuất mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo; theo dõi, tổng hợp, đánh giá chất lượng các hoạt động đào tạo, thống kê, làm báo cáo định kỳ theo quy định của cơ quan quản lý cấp trên và của hiệu trưởng;

4. Đề xuất và giúp hiệu trưởng chỉ đạo công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; thi đua, khen thưởng và xử lý vi phạm trong hoạt động đào tạo.

Điều 16. Nhiệm vụ của Phòng Hành chính - Tổ chức.

Phòng Hành chính - Tổ chức có những nhiệm vụ sau đây:

1. Thực hiện công tác hành chính, tổng hợp, văn thư, lưu trữ, lễ tân đối ngoại;

2. Giúp hiệu trưởng trong việc sắp xếp tổ chức, quản lý và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ, nhân viên;

3. Tổ chức thực hiện chính sách, chế độ đối với giáo viên, cán bộ, nhân viên; công tác bảo vệ nội bộ, thi đua, khen thưởng và kỷ luật.

Điều 17. Nhiệm vụ của Phòng Tài chính - Kế toán.

Phòng Tài chính - Kế toán có các nhiệm vụ sau đây:

1. Giúp hiệu trưởng quản lý công tác tài chính. Lập kế hoạch thu - chi hàng quý, hàng năm của trường; thực hiện các khoản thu, chi; lập quyết toán hàng quý, hàng năm theo đúng quy định về chế độ kế toán - tài chính của Nhà nước.

2. Tổ chức kiểm tra các khoản thu và việc chi tiêu các khoản tiền vốn, sử dụng vật tư, thiết bị và tài sản khác của tất cả các bộ phận trong trường; tổ chức định kỳ kiểm kê, đánh giá tài sản, thiết bị kỹ thuật theo quy định của Nhà nước.

Điều 18. Nhiệm vụ của Phòng Quản trị - Đời sống.

Phòng Quản trị - Đời sống có những nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện mua sắm, quản lý và bảo trì các loại trang thiết bị khoa học - kỹ thuật của trường;

2. Đề xuất và tổ chức thực hiện quyết định của hiệu trưởng về điều chuyển, sử dụng hoặc tu sửa, cải tạo nhà làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực nghiệm khoa học, thực tập, sản xuất, nhà ăn và ký túc xá học sinh;

3. Tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất, dịch vụ; an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; y tế, vệ sinh phòng bệnh; bảo vệ an ninh và trật tự trong trường.

Điều 19. Nhiệm vụ của Phòng Công tác học sinh.

Phòng Công tác học sinh có những nhiệm vụ sau đây:

1. Đề xuất và giúp hiệu trưởng trong việc giáo dục và quản lý học sinh;

2. Theo dõi, giúp đỡ học sinh tự học, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, lao động sản xuất và những hoạt động khác ngoài giờ học; quản lý học sinh ở nội trú;

3. Đề xuất và thực hiện các chính sách chế độ ưu đãi, kiến nghị về khen thưởng và kỷ luật học sinh.

Điều 20. Các khoa và tổ bộ môn trực thuộc.

1. Căn cứ vào nhiệm vụ và quy mô đào tạo, hiệu trưởng quyết định thành lập các khoa và các tổ bộ môn trực thuộc sau khi được cấp ra quyết định thành lập trường chấp thuận;

2. Các khoa và tổ bộ môn trực thuộc chịu sự chỉ đạo của hiệu trưởng;

3. Trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng tổ bộ môn trực thuộc, phó trưởng tổ bộ môn trực thuộc do hiệu trưởng bổ nhiệm.

Điều 21. Nhiệm vụ của khoa và tổ bộ môn trực thuộc.

Khoa và tổ bộ môn trực thuộc có những nhiệm vụ sau đây:

1. Tổ chức quá trình đào tạo, giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy của nhà trường;

2. Quản lý giáo viên, nhân viên và học sinh thuộc đơn vị mình;

3. Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình môn học khi được phân công. Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị dạy học, thực hành, thực tập;

4. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên;

5. Tổ chức thực hiện các hoạt động thực nghiệm,

nghiên cứu khoa học, dịch vụ khoa học và công nghệ, gắn đào tạo với sử dụng.

Điều 22. Các tổ bộ môn thuộc khoa.

1. Các khoa thành lập các tổ bộ môn thuộc khoa, phụ trách một môn học hoặc nhóm môn học có liên quan.

2. Việc thành lập và xác định nhiệm vụ của tổ bộ môn thuộc khoa do trưởng khoa đề nghị, hiệu trưởng quyết định.

Điều 23. Các lớp học sinh.

1. Học sinh được tổ chức thành lớp học theo ngành nghề đào tạo và theo khóa học. Mỗi lớp học có không quá 45 học sinh; có lớp trưởng và một đến hai lớp phó, do tập thể học sinh bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp học sinh có một giáo viên chủ nhiệm.

2. Nhiệm vụ cụ thể của giáo viên chủ nhiệm, của lớp học sinh do hiệu trưởng quy định.

Điều 24. Hội đồng đào tạo.

1. Hội đồng đào tạo là tổ chức tư vấn cho hiệu trưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường, do hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học và làm Chủ tịch.

Thành viên của Hội đồng đào tạo gồm: phó hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Công đoàn, trưởng khoa, trưởng tổ bộ môn trực thuộc và một số giáo viên có uy tín.

2. Hội đồng đào tạo mỗi năm họp 2 lần. Các phiên họp cần thiết khác do hiệu trưởng quyết định.

Điều 25. Các hội đồng khác.

Các hội đồng khác được thành lập theo quyết định của hiệu trưởng. Nhiệm vụ, quyền hạn, thời gian hoạt động, thành viên của các hội đồng này do hiệu trưởng quyết định.

Điều 26. Các cơ sở phục vụ đào tạo.

1. Trường trung học chuyên nghiệp được thành lập các cơ sở phục vụ đào tạo sau đây:

- Xưởng trường, trại trường;
- Cơ sở thực tập, lao động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

2. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ sở phục vụ đào tạo do hiệu trưởng quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 27. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường trung học chuyên nghiệp.

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Mục 2. THÀNH LẬP, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP

Điều 28. Điều kiện thành lập trường trung học chuyên nghiệp.

Trường trung học chuyên nghiệp được thành lập theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước khi có khả năng đảm bảo các điều kiện chính sau đây:

1. Có nhu cầu đào tạo nhân lực bậc trung học chuyên nghiệp với quy mô đào tạo từ 300 học sinh trở lên (trừ ngành nghề đặc thù), phù hợp quy hoạch mạng lưới trường, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

2. Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ số lượng cần thiết, đúng tiêu chuẩn theo quy định tại các Điều 10, 12 và 39 của Điều lệ này.

3. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu bảo đảm các yêu cầu cơ bản quy định tại Chương VI của Điều lệ này.

4. Có đủ các điều kiện tài chính theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 29. Hồ sơ và thủ tục thành lập trường trung học chuyên nghiệp.

1. Hồ sơ xin thành lập trường gồm:

a) Đơn xin thành lập trường;

b) Luận chứng khả thi với những nội dung quy định tại Điều 28 của Điều lệ này;

c) Đề án tổ chức và hoạt động với những nội dung chủ yếu sau:

- Mục đích thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và quy mô đào tạo;

- Danh mục các ngành nghề đào tạo;

- Nguồn tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh;

- Tên trường, địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị;

- Tổ chức bộ máy nhà trường;

- Nguồn tài chính xây dựng, phát triển trường và chi phí thường xuyên cho hoạt động đào tạo của trường.

d) Sơ yếu lý lịch của người dự kiến làm hiệu trưởng.

2. Thủ tục xét duyệt thành lập trường được quy định như sau:

a) Cơ quan chức năng của Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường trung học chuyên nghiệp công lập, bán công), tổ chức, cá nhân (đối với trường trung học chuyên nghiệp dân lập, tư thục) có trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 của Điều này.

b) Bộ (đối với trường trung học chuyên nghiệp trung ương), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường trung học chuyên nghiệp địa phương) tiếp nhận hồ sơ; lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có liên quan, gửi công văn đề nghị thẩm định kèm theo hồ sơ và các tài liệu cần thiết về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với cơ quan cấp Bộ, cấp tỉnh tổ chức thẩm định; trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, có văn bản trả lời để thủ trưởng cấp Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 30. Sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động, giải thể trường trung học chuyên nghiệp.

1. Cấp có thẩm quyền quyết định thành lập trường trung học chuyên nghiệp thì có thẩm quyền quyết định sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động, giải thể.

2. Thủ tục sáp nhập, chia, tách trường trung học chuyên nghiệp để thành lập trường trung học chuyên nghiệp mới tuân theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 29 của Điều lệ này.

3. Việc đình chỉ hoạt động, giải thể trường trung học chuyên nghiệp thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Chương III

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 31. Quy trình đào tạo.

Trường trung học chuyên nghiệp hoạt động đào tạo theo năm học.

Mỗi năm học có hai học kỳ. Khi hết học kỳ, nhà trường tổ chức kiểm tra, thi hết học kỳ, tiến hành xếp loại học sinh theo kết quả học tập và rèn luyện.

Kết thúc năm học, trường tổ chức kiểm tra, thi hết học kỳ 2, tiến hành xếp loại và xét lên lớp cho học sinh.

Kết thúc khóa học, trường tổ chức thi tốt nghiệp, xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng.

Điều 32. Mở ngành đào tạo mới.

Trường trung học chuyên nghiệp được mở thêm ngành đào tạo khi có nhu cầu và có đủ điều kiện đảm bảo về giáo viên, trang thiết bị, cơ sở phục vụ đào tạo, được cơ quan cấp Bộ, hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận bằng văn bản.

Điều 33. Tuyển sinh.

Trường trung học chuyên nghiệp tổ chức tuyển sinh các ngành, nghề được phép đào tạo theo quy chế tuyển sinh và sự chỉ đạo hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 34. Hoạt động đào tạo.

Hoạt động đào tạo trong trường trung học chuyên nghiệp bao gồm:

1. Giảng dạy lý thuyết và thực hành ở trên lớp.

2. Tổ chức thực tập, thực nghiệm, nghiên cứu khoa học và lao động sản xuất phù hợp ngành, nghề đào tạo.

3. Các hoạt động ngoại khóa bao gồm: tham quan học tập, sinh hoạt câu lạc bộ, tìm hiểu về chuyên ngành và các hoạt động khác.

Điều 35. Đào tạo không chính quy.

Trường trung học chuyên nghiệp được tổ chức đào tạo và bồi dưỡng theo phương thức giáo dục không chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Điều 36. Tổ chức liên kết đào tạo.

Trường trung học chuyên nghiệp được liên kết với cơ sở giáo dục, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các tổ chức kinh tế, xã hội để đào tạo theo địa chỉ sử dụng, đào tạo gắn với việc làm theo đúng ngành nghề đào tạo được giao.

Điều 37. Quản lý sổ sách, biểu mẫu, tài liệu đào tạo.

1. Hệ thống sổ sách, biểu mẫu, tài liệu đào tạo trong trường trung học chuyên nghiệp bao gồm:

a) Đối với nhà trường:

- Hồ sơ tuyển sinh,
- Sổ đăng ký học sinh,¹
- Sổ phát bằng tốt nghiệp,
- Hồ sơ tốt nghiệp,
- Chương trình các môn học,

- Sổ lên lớp hàng ngày,
- Kế hoạch đào tạo,
- Tiến độ thực hiện kế hoạch,
- Kế hoạch giáo viên,
- Sổ nghị quyết của nhà trường,
- Sổ khen thưởng kỷ luật,
- Sổ lưu trữ văn bản,
- Sổ quản lý tài sản, tài chính.

b) Đối với giáo viên:

- Giáo trình,
- Giáo án lý thuyết,
- Giáo án thực hành,
- Sổ tay giáo viên,
- Lịch giảng dạy.

c) Đối với học sinh:

- Sổ học tập,
- Phiếu thực tập.

2. Hiệu trưởng trường trung học chuyên nghiệp chỉ đạo việc quản lý và lưu trữ các loại sổ sách, biểu mẫu trên; việc lưu trữ và hủy bỏ thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Chương IV

GIÁO VIÊN

Điều 38. Giáo viên trường trung học chuyên nghiệp.

Giáo viên trường trung học chuyên nghiệp là người làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong nhà trường.

Điều 39. Tiêu chuẩn giáo viên trường trung học chuyên nghiệp.

Giáo viên trường trung học chuyên nghiệp phải đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1. Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;
2. Có bằng tốt nghiệp đại học;
3. Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (trừ giáo viên tốt nghiệp ở trường, khoa sư phạm);
4. Có sức khỏe để giảng dạy.

Điều 40. Nhiệm vụ của giáo viên trường trung học chuyên nghiệp.

Giáo viên trường trung học chuyên nghiệp có những nhiệm vụ sau đây:

1. Giảng dạy môn học được phân công theo kế hoạch giảng dạy, chương trình và mục tiêu đào tạo của trường. Nhận xét, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh;

2. Tham gia thực nghiệm, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc cải tiến nội dung bài giảng và phương pháp giảng dạy, giáo dục học sinh;

3. Thực hiện các quy định của pháp luật, điều lệ trường, quy chế về đào tạo; tôn trọng, giúp đỡ và bảo vệ quyền lợi chính đáng của học sinh;

4. Rèn luyện đạo đức, học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của giáo viên;

5. Tham gia các hoạt động văn hóa - xã hội, thực hiện nghĩa vụ công dân và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Quyền của giáo viên trường trung học chuyên nghiệp.

Giáo viên trường trung học chuyên nghiệp có những quyền sau đây:

1. Được giảng dạy theo chuyên ngành đào tạo, được sử dụng các phương tiện kỹ thuật, nghiệp vụ để giảng dạy, hướng dẫn học sinh thực hành, thực tập, lao động sản xuất theo kế hoạch, chương trình đào tạo của trường;

2. Được đào tạo, bồi dưỡng, tự học tập, nghiên cứu nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và năng lực sư phạm;

3. Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách quy định cho nhà giáo;

4. Được đề đạt nguyện vọng, kiến nghị, góp ý với nhà trường hoặc cơ quan quản lý cấp trên về những vấn đề có liên quan đến tổ chức, quản lý, công tác đào tạo của trường, của ngành;

5. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Nhiệm vụ và quyền của giáo viên chủ nhiệm.

Ngoài những nhiệm vụ và quyền của giáo viên ghi ở Điều 40 và Điều 41 của Điều lệ này, giáo viên chủ nhiệm còn có những nhiệm vụ và quyền sau đây:

1. Giúp hiệu trưởng trong việc quản lý, giáo dục và rèn luyện học sinh.

2. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động của lớp do mình phụ trách.

3. Phối hợp với các giáo viên bộ môn của lớp trong việc giáo dục và đào tạo học sinh.

Điều 43. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử và trang phục của giáo viên trường trung học chuyên nghiệp.

1. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử và trang phục của giáo viên trường trung học chuyên nghiệp phải mẫu mực, có tác dụng giáo dục đối với học sinh.

2. Nghiêm cấm giáo viên có các hành vi sau đây:

a) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể của đồng nghiệp và học sinh.

b) Gian lận trong kiểm tra, đánh giá, thi cử, tuyển sinh;

c) Hút thuốc, uống rượu, bia khi lên lớp và khi tham gia các hoạt động giáo dục ở nhà trường.

Điều 44. Khen thưởng và xử lý vi phạm.

1. Giáo viên có thành tích sẽ được khen thưởng, được tặng các danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác:

2. Giáo viên phạm khuyết điểm thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục, Pháp lệnh Cán bộ, công chức và các quy định khác của Nhà nước.

Chương V

HỌC SINH

Điều 45. Học sinh trung học chuyên nghiệp.

Học sinh được nhận vào trường trung học chuyên nghiệp với các điều kiện sau đây:

1. Có độ tuổi ít nhất là 15;

2. Có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở;

3. Có sức khỏe phù hợp với ngành, nghề đào tạo;

4. Trúng tuyển vào trường trung học chuyên nghiệp.

Điều 46. Nhiệm vụ của học sinh trung học chuyên nghiệp.

Học sinh trung học chuyên nghiệp có những nhiệm vụ sau đây:

1. Học tập và rèn luyện theo kế hoạch và chương trình đào tạo của trường;

2. Tham gia các hoạt động của học sinh về thực nghiệm, nghiên cứu, thực hành, thực tập, lao động sản xuất, dịch vụ, văn hóa văn nghệ, thể dục - thể thao, và các hoạt động khác;

3. Chấp hành pháp luật của Nhà nước, Điều

lệ, nội quy của trường, kính trọng thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên nhà trường, giúp đỡ bạn bè;

4. Giữ gìn và bảo vệ tài sản, các công trình công cộng trong trường và ngoài xã hội; bảo vệ môi trường và giữ gìn trật tự an toàn xã hội;

5. Đóng học phí đầy đủ theo quy định, góp phần xây dựng trường;

6. Bảo vệ và phát huy truyền thống của trường.

Điều 47. Quyền của học sinh trung học chuyên nghiệp.

Học sinh trung học chuyên nghiệp có những quyền sau đây:

1. Được tôn trọng, được đối xử bình đẳng, được cung cấp đầy đủ thông tin về học tập, nghiên cứu, rèn luyện ở trường trung học chuyên nghiệp;

2. Được tham gia hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức xã hội trong nhà trường theo quy định của pháp luật;

3. Được sử dụng thiết bị, đồ dùng học tập và các phương tiện khác vào mục đích học tập, nghiên cứu, trau dồi kiến thức kỹ năng hoạt động nghề nghiệp và văn hóa, thể dục - thể thao;

4. Được đóng góp ý kiến, kiến nghị và khiếu nại với nhà trường về công tác đào tạo, xây dựng trường, bảo vệ quyền lợi chính đáng của học sinh, tập thể học sinh;

5. Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất và tinh thần theo chế độ chính sách của Nhà nước đối với học sinh trường trung học chuyên nghiệp;

6. Được nhận bằng ngay sau khi tốt nghiệp.

Điều 48. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của học sinh trung học chuyên nghiệp.

1. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử của học sinh phải có văn hóa, phù hợp với đạo đức và lối sống của lứa tuổi học sinh trung học chuyên nghiệp.

2. Trang phục của học sinh phải sạch sẽ, gọn gàng, giản dị thích hợp với độ tuổi, thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt ở nhà trường.

Tùy điều kiện của từng trường, hiệu trưởng quyết định tổ chức mặc đồng phục một buổi học hoặc một số buổi trong tuần nếu được Hội đồng đào tạo nhà trường đồng ý.

Điều 49. Các hành vi bị cấm đối với học sinh trung học chuyên nghiệp.

Cấm học sinh có những hành vi sau đây:

1. Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giáo viên, cán bộ, nhân viên và học sinh nhà trường;

2. Gian lận trong học tập, kiểm tra và thi;

3. Đánh bạc, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng ma túy, vũ khí, chất nổ, chất gây cháy, các loại chất độc hại; lưu hành văn hóa phẩm đồi trụy;

4. Đánh nhau; gây rối trật tự an ninh trong nhà trường và ngoài xã hội;

5. Hút thuốc, uống rượu, bia trong trường.

Điều 50. Khen thưởng và kỷ luật.

1. Học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện được nhà trường và các cấp quản lý giáo dục khen thưởng theo các hình thức sau đây:

- Khen trước lớp, trước trường;

- Tặng danh hiệu và nhận phần thưởng học sinh tiên tiến, học sinh giỏi;

- Cấp giấy chứng nhận, bằng khen nếu đoạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi;

- Các hình thức khen thưởng khác.

2. Học sinh phạm khuyết điểm trong quá trình học tập và rèn luyện được khuyên răn hoặc trách phạt theo các hình thức sau đây:

- Phê bình trước lớp, trước trường;

- Khiển trách có thông báo với gia đình;

- Cảnh cáo ghi học bạ;

- Đình chỉ học tập có thời hạn;

- Buộc thôi học.

Chương VI

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI CHÍNH

Điều 51. Trường học.

1. Trường trung học chuyên nghiệp bao gồm đất đai và nhà cửa trong một khuôn viên có tường rào bao quanh. Tổng diện tích mặt bằng của trường phải phù hợp với quy mô đào tạo, bình quân cho một học sinh không dưới 10m².

2. Trường trung học chuyên nghiệp gồm các khối công trình sau đây:

a) Khu hành chính: Văn phòng, phòng làm việc của hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, các đơn vị chức năng, các khoa và tổ bộ môn;

b) Khu học tập: Phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập, thư viện, phòng truyền thống, nhà luyện tập đa năng;

c) Khu sân trường;

d) Khu hoạt động thể dục thể thao và luyện tập quân sự;

đ) Khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước;

e) Khu để xe.

3. Cơ sở phục vụ đào tạo ngoài trường:

a) Ký túc xá học sinh;

b) Trường trung học chuyên nghiệp còn có các cơ sở phục vụ đào tạo nằm ngoài trường tùy theo ngành nghề đào tạo như trại trường, vườn trường, nơi sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điều 52. Trang thiết bị.

Trường trung học chuyên nghiệp phải có đủ thiết bị giáo dục, trang thiết bị kỹ thuật cần thiết để phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập cho học sinh.

Điều 53. Tài chính của trường.

1. Nguồn tài chính của trường trung học chuyên nghiệp bao gồm:

- Ngân sách nhà nước (đối với trường công lập);

- Học phí;

- Các khoản thu từ hợp đồng đào tạo với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các tổ chức kinh tế - xã hội;

- Các khoản thu từ sản phẩm nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, kinh doanh dịch vụ phù hợp ngành nghề đào tạo của trường;

- Các khoản tài trợ.

2. Các khoản chi bao gồm:

- Chi thường xuyên: Tiền lương, học bổng học sinh, tiền thưởng, phúc lợi tập thể, vật tư văn phòng, công tác phí, hội nghị, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và các loại chi khác theo quy định của Nhà nước.

- Chi đầu tư phát triển: Mua vật tư, thiết bị, xây dựng cơ bản, mua tài sản cố định, mở rộng trường sở.

3. Các khoản thu, chi tài chính trong trường trung học chuyên nghiệp phải vào sổ sách đầy đủ và phải được quyết toán định kỳ theo quy định của cơ quan quản lý cấp trên và chế độ kế toán tài chính của Nhà nước.

Chương VII

NHÀ TRƯỜNG - GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Điều 54. Trách nhiệm của nhà trường.

Trường trung học chuyên nghiệp có trách nhiệm chủ động phối hợp với gia đình học sinh, các tổ chức kinh tế - xã hội nhằm thực hiện tốt mục tiêu đào tạo.

Điều 55. Trách nhiệm và quyền hạn của gia đình học sinh.

1. Gia đình học sinh có trách nhiệm:

- Giáo dục, động viên con em mình chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường;

- Thông tin cho nhà trường về học tập, rèn luyện của con em mình;

- Chịu trách nhiệm vật chất đối với nhà trường trong trường hợp con em mình gây thiệt hại.

2. Gia đình học sinh có quyền:

- Yêu cầu nhà trường cho biết kết quả học tập, rèn luyện của con em;

- Tham gia các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của trường, đóng góp ý kiến xây dựng trường.

Điều 56. Trách nhiệm của cộng đồng.

Sự phối hợp hoạt động giữa nhà trường và các tổ chức kinh tế - xã hội bao gồm những nội dung sau đây:

- Giúp đỡ nhà trường trong công tác giáo dục - đào tạo, thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ;

- Tạo điều kiện cho học sinh được tham quan, thực hành thực tập, lao động sản xuất;

- Góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, giúp đỡ học sinh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, ngăn ngừa tệ nạn xã hội thâm nhập vào trường;

- Giúp đỡ nhà trường xây dựng cơ sở vật chất theo khả năng./.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

NGUYỄN MINH HIẾN

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 72/2000/TT-BTC ngày 19/7/2000 hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương.

Căn cứ Quyết định số 66/2000/QĐ-TTg ngày 13/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số

chính sách và cơ chế tài chính thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, Bộ Tài chính hướng dẫn về cơ chế tài chính thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Đối tượng được vay vốn tín dụng ưu đãi theo quy định tại Thông tư này là các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các dự án đầu tư kiên cố hóa kênh mương loại II, loại III do địa phương quản lý.

- Hàng năm, các dự án đầu tư kiên cố hóa kênh mương phải được bố trí vốn trong dự toán chi ngân sách địa phương từ nguồn thu thuế sử dụng đất nông nghiệp (ít nhất 40%), thủy lợi phí và các nguồn thu khác. Đặc biệt đối với hệ thống kênh mương loại III phải đảm bảo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

- Căn cứ vào tổng mức vốn tín dụng dành cho kiên cố hóa kênh mương hàng năm được duyệt, nhu cầu và khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư của địa phương kể cả nguồn đóng góp của nhân dân cho kiên cố hóa kênh mương, Bộ Tài chính quyết định mức vay cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Việc cho vay vốn được thực hiện qua hệ thống Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Hồ sơ vay vốn:

Để có căn cứ quyết định mức vay vốn tín dụng ưu đãi thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Bộ Tài chính các văn bản gồm:

- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về vay vốn tín dụng ưu đãi thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, trong đó phải xác định rõ và đầy đủ các cơ sở sau đây: